

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 184/2021/DS-PT

Ngày 13/10/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
góp vốn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.  
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Hoàng Kim Khánh.  
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn  
Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 13/10/2021, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm  
công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLPT-DS ngày 18/5/2021 về việc: “Tranh  
chấp hợp đồng góp vốn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 30/3/2021  
của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2021/QĐPT-DS ngày 08/7/2021; Quyết định  
hoãn phiên tòa số: 101/2021/QĐ-PT ngày 05/8/2021; số: 107/2021/QĐ-PT ngày  
06/9/2021 và số: 156/2021/QĐ-PT ngày 27/9/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:**

1. Bà Hoàng Thị T - Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Nguyễn Văn H - Có mặt

Địa chỉ: Tổ B, Khối H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T: Ông  
Nguyễn Đình A - Có mặt ( theo văn bản uỷ quyền ngày 21/9/2021 )

Địa chỉ: Căn hộ M2.20.29 chung cư C, phường N, quận B, thành phố Hồ Chí  
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị Ngọc  
T1 - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh- Có  
mặt

Địa chỉ: Căn hộ M2.20.29 chung cư C, phường N, quận B, thành phố Hồ Chí  
Minh

**Bị đơn:** Bà Hoàng Y - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nông Cao S - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

**Người làm chứng:** Bà Hoàng Thị T2 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, ngày 16/11/2020 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 19/7/2020, ông, bà và bà Hoàng Y ký hợp đồng góp vốn với nhau để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các thửa đất liền kề với diện tích đất 9,8ha của bà Y tại thôn 8, xã E, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Sau đó, kết hợp với diện tích đất 9,8ha của bà Y, đủ 40ha, đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi và chuyển nhượng lại trang trại cho người khác, để kiếm tiền lời; Theo nội dung hợp đồng, bà T góp vốn bằng tiền mặt 688.000.000đ; ông H góp vốn bằng tiền mặt 403.000.000đ; bà Y góp vốn bằng quyền sử dụng đất, đối với 9,8ha đất nêu trên và chịu trách nhiệm quản lý tiền vốn, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xin giấy phép đầu tư xây dựng trang trại.

Trước thời điểm ký hợp đồng góp vốn, bà T và ông H đã góp đủ số tiền vốn nêu trên cho bà Y nhưng bà Y không thực hiện việc nhận chuyển nhượng đất và đầu tư xây dựng trang trại như đã cam kết trong hợp đồng; Bà Y sử dụng tiền vốn góp của ông, bà vào mục đích cá nhân; Ông và bà yêu cầu bà Y trả lại khoản tiền mà ông, bà đã góp cho bà Y nhưng bà Y không trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Thuỷ phải trả lại cho bà 688.000.00đ tiền vốn góp; ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T phải trả lại cho ông 403.000.000đ tiền vốn góp.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Hoàng Y trình bày: Về nội dung hợp đồng góp vốn được ký kết ngày 19/7/2020, giữa bà và bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H, đúng như bà T và ông H đã trình bày; Tuy nhiên, sau khi hợp đồng góp vốn được ký kết, bà T mới góp cho bà 350.000.000đ; Lần đầu bà T góp 200.000.000đ, lần thứ hai bà T góp 150.000.000đ; Bà cùng với chồng là ông Nông Cao S đến nhà bà T nhận tiền vốn góp, bà viết biên nhận tiền cho bà T; Bà T là người giữ giấy biên nhận tiền; Ông H góp vốn cho bà ba lần, tổng cộng 53.000.000đ; Lần đầu ông H góp 30.000.000đ, lần thứ hai ông H góp 20.000.000đ, lần thứ ba ông H góp 3.000.000đ; Bà không viết giấy biên nhận tiền cho ông H.

Sau khi nhận tiền vốn góp của bà T và ông H, bà đã nhận chuyển nhượng đất của người khác, để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi. Do bà T và ông H làm đơn tố cáo bà đến cơ quan Công an về việc chiếm dụng vốn, nên việc đầu tư xây dựng trang trại chưa tiến hành được; Việc bà T và ông H khởi kiện, bà đồng ý sẽ trả lại cho bà T 350.000.000đ tiền vốn góp, trả lại cho ông H 53.000.000đ tiền vốn góp, với điều kiện: Sau khi trang trại chăn nuôi được xây dựng hoàn thành, bà chuyển nhượng lại cho người khác, mới có đủ tiền để trả lại cho ông H, bà T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Cao S trình bày: Ông là chồng bà Hoàng Y, ông đồng ý với lời trình bày của bà Y; Việc bà Y ký hợp đồng góp vốn với bà T, ông H, ông hoàn toàn không biết; Giấy xác nhận ghi ngày 22/5/2019, do ông H cung cấp cho Tòa án với nội dung: Ông nhận của ông H 403.000.000đ tiền vốn góp vào ngày 22/5/2019 là không đúng; Chữ viết và chữ ký trên giấy xác nhận, không phải là chữ viết, chữ ký của ông.

Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng là bà Hoàng Thị T2 trình bày: Bà là em ruột của bà Hoàng Thị T và là em họ bà Hoàng Y; Do bà T, bà Y và ông Nông Văn H, nhờ bà viết hợp đồng góp vốn; Ngày 19/7/2020, bà viết hợp đồng góp vốn theo yêu cầu của ba người nêu trên; Tại thời điểm bà viết hợp đồng góp vốn, thì bà T và ông H

đã góp đủ vốn cho bà Y. Tuy nhiên, do không quen viết hợp đồng góp vốn, nên bà không ghi nội dung bà T và ông H đã góp đủ vốn cho bà Y.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của TAND huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 42, Điều 147, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 505, Điều 510, Bộ luật dân sự năm 2015.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị T.

1. Buộc bà Hoàng Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Cao S phải trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 350.000.000đ và phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 53.000.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc buộc bà Hoàng Y phải trả lại số tiền góp vốn 338.000.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn H về việc buộc bà Hoàng Y phải trả lại số tiền góp vốn 350.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 16/4/2021, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T và ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H, VKSND tỉnh Đắk Lắk, xét thấy: Bà T và ông H khởi kiện cho rằng trước thời điểm ký kết hợp đồng góp vốn, bà T đã giao tiền cho bà Y nhiều lần, tổng cộng 688.000.000đ; ông S đã giao tiền cho bà Y nhiều lần, tổng cộng 403.000.000đ. Tuy nhiên, ông S và bà T không cung cấp được chứng cứ, để chứng minh đã giao cho bà Y số tiền nêu trên; Bà Hoàng Y chỉ thừa nhận, sau khi ký kết hợp đồng góp vốn, bà T góp vốn cho bà hai lần, tổng cộng 350.000.000đ; ông H góp vốn cho bà ba lần, tổng cộng 53.000.000. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Hoàng Y và ông Nông Cao S phải trả lại cho bà T số tiền góp vốn 350.000.000đ và trả lại cho ông H số tiền góp vốn 53.000.000đ, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 19/7/2020, bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Y ký kết hợp đồng góp vốn, để nhận chuyển nhượng

quyền sử dụng đất, liền kề với diện tích đất 9,8ha của bà Y, tại thôn 8, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, để xây dựng trang trại chăn nuôi và chuyển nhượng lại trang trại cho người khác; Theo nội dung hợp đồng, bà T góp số tiền vốn 688.000.000đ, ông Nguyễn Văn H góp số tiền vốn 403.000.000đ, bà Y góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 9,8ha nêu trên; Bà Y là người quản lý tiền vốn góp và chịu trách nhiệm giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm các thủ tục xây dựng trang trại.

Quá trình thực hiện hợp đồng góp vốn: Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn H, khởi kiện cho rằng trước thời điểm ký kết hợp đồng góp vốn, bà T đã giao tiền cho bà Y nhiều lần, tổng cộng 688.000.000đ; Ông H đã giao tiền cho bà Y nhiều lần, tổng cộng 403.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà T và ông H không cung cấp được chứng cứ, để chứng minh đã góp đủ số tiền vốn nêu trên cho bà Y; Nội dung của hợp đồng góp vốn, không ghi nhận bà T và ông H đã góp đủ số tiền vốn nêu trên; Bà Hoàng Y và chồng là ông Nông Cao S chỉ thừa nhận sau khi hợp đồng góp vốn được ký kết, bà T đã góp số tiền vốn là 350.000.000đ, ông H đã góp số tiền vốn 53.000.000đ; Sau khi nhận tiền vốn góp từ bà T và ông H, bà Hoàng Y chưa thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng trang trại, là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Hoàng Y và ông Nông Cao S phải trả lại cho bà T số tiền góp vốn 350.000.000đ và trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền góp vốn 53.000.000đ là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] **Về án phí phúc thẩm:** Do yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H, không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên bà T, ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 504, Điều 505, Điều 510 Bộ luật dân sự năm 2015; Hợp đồng góp vốn được ký kết ngày 19/7/2020, giữa bà Hoàng Y và bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H.

1. Buộc bà Hoàng Y và ông Nông Cao S phải trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền góp vốn 305.000.000đ (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*) và phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền góp vốn 53.000.000đ (*Năm mươi ba triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc buộc bà Hoàng Y phải trả lại số tiền góp vốn 338.000.000đ (*Ba trăm ba mươi tám triệu đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc bà Hoàng Y phải trả số tiền góp vốn 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. **Về án phí phúc thẩm:** Ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị T, mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0002295 và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0002296 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huân**